

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ngày 05/07/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **239/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo dự kiến ngày 20/07/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **BWE**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương trong thời gian qua.

Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tên Tiếng anh: Binh Duong Water Environment Joint Stock Company

Tên viết tắt: BIWASE

Trụ sở chính: Số 11 – Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3838 333 – 389 77 66

Fax: (0274) 3827 738

Website www.biwase.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

▪ Đầu tháng 06/2010, theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Dương, Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương (tiền thân của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương) được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn cho Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên (Becamex IDC) cho đến nay.

▪ Ngày 10/08/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương đã tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 17.634.200 cổ phần, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 17.634.200 cổ phần, giá đấu thành công cao nhất là 17.600 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất là 13.300 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân 14.277 đồng/cổ phần.

▪ Ngày 22/09/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

2. Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty:

Vốn điều lệ khi cổ phần hóa của Công ty năm 2005 khi đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần là 1.500.000.000.000 đồng. Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ kể từ khi cổ phần hóa đến nay.

3. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các lĩnh vực kinh doanh chính:

- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Sản xuất nước khoáng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn vật tư ngành nước;
- Dịch vụ nạo vét cống rãnh, bể phốt, hút hầm cầu, rửa đường;
- Bán buôn hoa và cây;
- Sản xuất phân compost...

4. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Theo Sổ cổ đông chốt ngày **08/06/2017**, công ty có **830** cổ đông trong đó **02** cổ đông lớn nắm giữ **129.000.000** cổ phiếu chiếm 86%; Cổ đông trong nước nắm giữ **150.000.000** cổ phiếu chiếm **100%**; Cổ đông nước ngoài nắm giữ **0** cổ phiếu.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/06/2017:

STT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/ Giấy phép thành lập	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC)	3700145020	230 Đại Lộ Bình Dương – thành phố Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương	76.500.000	51,00%
2	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	3702226772	Số 7 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TDM, Bình Dương	52.500.000	35,00%
Tổng cộng				129.000.000	86,00%

6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp. Biwase hiện đang quản lý vận hành các hệ thống cấp nước và nhà máy nước với tổng công suất hơn 200.000 m³/ngày đêm. Sản lượng nước sạch sản xuất và tiêu thụ qua các năm của Biwase qua các năm như sau:

Năm	Sản lượng sản xuất (m ³)	Sản lượng tiêu thụ (m ³)
Năm 2012	62.798.478	56.791.577
Năm 2013	74.394.351	66.476.152

Năm 2014	80.908.752	73.570.643
Năm 2015	91.250.613	82.621.479
Năm 2016	106.797.536	98.055.896

6.1 Doanh thu của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		01/01/2016 – 30/09/2016		01/01/2016 – 30/09/2016		Quý I năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT
Doanh thu bán hàng	905.568	74,6%	715.983	72,1%	255.825	67,5%	253.884	74,3%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	271.903	22,4%	268.542	27,1%	119.427	31,5%	77.441	22,6%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	35.720	2,9%	8.197	0,8%	4.006	1,1%	10.521	3,1%
Tổng cộng	1.213.190	100,0%	992.722	100,0%	379.258	100,0%	341.846	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý I năm 2017 tự lập của Công ty

6.2. Chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		01/01/2016 – 30/09/2016		01/10/2016 – 31/12/2016		Quý I năm 2017	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	801.018	66,0%	626.128	63,2%	239.165	63,1%	209.833	61,4%
Chi phí bán hàng	130.947	10,8%	142.314	14,4%	51.975	13,7%	49.431	14,5%
Chi phí quản lý	58.403	4,8%	52.315	5,3%	24.306	6,4%	13.851	4,1%
Chi phí tài chính	86.100	7,1%	65.447	6,6%	54.442	14,4%	14.104	4,1%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	82.234	6,8%	59.040	6,0%	20.003	5,3%	10.345	3,0%
Tổng cộng	1.076.468	88,7%	886.204	89,4%	369.888	97,5%	287.219	84,1%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế

toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Nhìn chung, chi phí còn chiếm tỷ trọng cao trên doanh thu thuần và có xu hướng tăng trong giai đoạn vừa qua. Tổng chi phí chiếm khoảng 90,2% năm 2015 – 2016 so với tổng doanh thu. Tính chung cả năm 2016 chi phí tăng khoảng 16,7% so với năm 2015. Tính đến hết quý 1 năm 2017 tổng chi phí đạt hơn 287,2 tỷ đồng, tương ứng chiếm 84,1% tổng doanh thu.

Do nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là nước từ các sông ngoài tự nhiên nên giá vốn của Công ty ở mức tương đối ổn định, không có biến động quá lớn qua từng năm, bình quân đạt khoảng 64,6% giai đoạn 2015 – 2016. Trong 3 tháng đầu năm 2017, giá vốn chiếm 61,4% tổng doanh thu thuần.

Bên cạnh đó, do đặc thù sản xuất kinh doanh nước sạch và cung cấp cho các hộ dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như thu gom xử lý rác thải, nên Công ty không tốn nhiều chi phí cho việc bán hàng, tỷ lệ bình quân trên tổng doanh thu thuần giai đoạn 2 năm trước niêm yết chiếm khoảng 12,5%.

6.3 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty là nước khai thác từ sông ngoài tự nhiên và nước ngầm. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và động lực khác như điện, phèn, vôi, clor, flour và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân. Nguồn nước thô của Công ty chủ yếu được khai thác từ nước sông tự nhiên như nước Sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, Suối Giai – thị trấn Phước Vĩnh.

Tổng lượng nước sản xuất năm 2016 của Công ty đạt: 106.797.536 m³ tương đương 272.377 m³/ngày đêm, nước tiêu thụ năm 2016 đạt: 98.055.896 m³ tương đương 282.533 m³/ngày đêm. Lưu lượng nước nguồn (nước mặt sông Đồng Nai và Sài Gòn, hồ thủy lợi Phước Hòa), hiện tại được đánh giá là trữ lượng khá dồi dào và chất lượng ổn định, riêng nguồn nước thô từ Hồ thủy lợi Phước Hòa đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp phép khai thác với lưu lượng 15 m³/s, tương đương 1,2 triệu m³/ngày đêm. Sản lượng nước tiêu thụ hàng năm của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương nhìn chung cũng bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa, cụ thể: thông thường vào mùa mưa lượng nước sử dụng sẽ thấp hơn so với mùa nắng và có xu hướng tăng cao vào dịp Tết nguyên đán hàng năm (do nhu cầu vệ sinh nhà cửa nhân dịp năm mới).

Ngoài nguồn nguyên liệu chính là nước từ sông tự nhiên, Công ty còn có nguồn nguyên liệu khác là rác thải từ toàn bộ rác thải phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tổng lượng rác tiếp nhận và xử lý rác năm 2016 đạt: 618.270 tấn, trung bình 1.693 tấn/ngày. Lượng rác phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng có xu hướng ngày càng tăng cao theo tốc độ đô thị hóa nhanh của tỉnh, đặc biệt tăng đột biến vào những dịp Lễ, Tết.

6.4 Trình độ công nghệ:

Quy trình khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch được thực hiện qua nhiều công đoạn, hầu hết các nhà máy cấp nước hiện đang áp dụng theo dây chuyền lắng lọc nhanh bằng vật liệu cát và than.

Công nghệ áp dụng trong xử lý rác thải hiện công ty đang áp dụng là công nghệ xử lý thành phân compost của Phần Lan, đây là công nghệ tiên tiến nhằm xử lý triệt để chất thải phát sinh thành sản phẩm phân bón có ích cho xã hội và môi trường, và theo đánh giá đây là công nghệ xử lý tiên tiến, đứng hàng đầu ở Việt Nam.

Toàn bộ các nhà máy xử lý nước cấp, xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý rác thải đều được quản lý bằng hệ thống SCADA. Đây là một trong những phần mềm ứng dụng giảm bớt lao động con người, kịp thời hỗ trợ trong việc phát hiện sự cố về vận hành, bảo dưỡng của hệ thống giúp doanh nghiệp có biện pháp khắc phục nhanh chóng, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác vận hành, bảo dưỡng.

Trong lĩnh vực cấp nước, Công ty là một trong những đơn vị tiên phong về công nghệ xử lý nước bằng việc ứng dụng những thiết bị tiên tiến như biến tần, đồng hồ điện tử, van điều áp thông minh, đồng hồ cấp C cho hộ gia đình v.v.

Công ty hiện đang ứng dụng phương thức quản trị doanh nghiệp từ xa, ứng dụng hệ thống quản lý nội bộ bằng các loại phần mềm ứng dụng do chính đội ngũ chuyên môn của Công ty lập trình và sẵn sàng nhận chuyển giao công nghệ cho các đơn vị bạn.

Công ty đã thành lập Trung tâm đào tạo nghề và nâng cao nguồn nhân lực từ năm 2008. Trung tâm này còn liên kết với trường Đại học xây dựng miền Tây, Đại học Thủ Dầu Một, trường Cao đẳng kỹ thuật Bình Dương trong việc nhận đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề phục vụ cho lĩnh vực nước và môi trường.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	01/01/2016 – 30/09/2016	01/10/2016 – 31/12/2016	Năm 2016(*)	% Tăng giảm	Quý 1 – 2017
1	Tổng giá trị tài sản	7.140.429	8.088.701	8.724.765	8.724.765	22,2%	8.807.032
2	Vốn chủ sở hữu	2.656.105	2.699.917	2.860.695	2.860.695	16,6%	3.001.052
3	Doanh thu thuần	1.213.190	990.901	379.258	1.370.159	12,9%	341.560
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	189.847	225.877	23.791	249.667	31,5%	57.118
5	Lợi nhuận khác	2.749	21.878	4.486	26.364	859,0%	2.185
6	Lợi nhuận trước thuế	192.597	247.755	28.277	276.032	43,3%	59.303
7	Lợi nhuận sau thuế	170.593	215.005	25.830	240.835	41,2%	52.890
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	N/A	N/A	N/A	N/A	–	N/A

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	01/01/2016 – 30/09/2016	01/10/2016 – 31/12/2016	Năm 2016(*)	% Tăng giảm	Quý 1 – 2017
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	N/A	N/A	N/A	9,0% (**)		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Ghi chú:

- (*) Năm 2016: Các số liệu thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên đây được VCBS cộng dồn 2 giai đoạn gồm kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương và kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 30/09/2016, do đó tại năm 2015, Công ty vẫn đang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên, chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức của giai đoạn này không tính toán.

(**) Chỉ số ROE năm 2016 được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận sau thuế của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của vốn chủ sở hữu ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.

8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh :

a) Thuận lợi

Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

Biwase đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng hệ thống cấp nước và phát triển mạng cấp nước, quản lý tốt các hệ thống cấp nước có trang bị thiết bị tiên tiến của thế giới, giảm tỷ lệ thất thoát nước. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án vay vốn ODA từ khâu đàm phán, lựa chọn các nhà thầu nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình.

Các dự án đầu tư có nguồn vốn lớn như đầu tư mở rộng các nhà máy nước, hệ thống cấp nước, nhà xưởng, máy móc thiết bị.. của Công ty được vay từ nguồn vốn ODA và vay nguồn vốn đối ứng từ các tổ chức tín dụng trong nước để đầu tư.

Bên cạnh đó, ngoài nguồn vốn ODA, Công ty còn có thể huy động vốn từ nguồn Xã hội hoá để đầu tư những công trình đầu mối góp phần giải quyết nhu cầu vốn cho việc đầu tư mới.

b) Khó khăn

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Bình Dương quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Bình Dương nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, trong khi đó Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước cho các thành phố, thị xã và các huyện để phát triển hệ thống cấp nước.

Các trạm cấp nước nông thôn sau khi được công ty tiếp nhận đều được tập trung đổi mới, thay nguồn nước cấp từ nước ngầm sang nước mặt, đầu tư, cải tạo mạng lưới cấp nước cũng như thay đổi những đồng hồ khách hàng để việc đo đếm có độ chính xác cao và thực hiện những biện pháp để giảm lượng thất thoát nước khá cao, từ đó làm phát sinh chi phí đầu tư tăng cao trong khi giá nước vẫn áp dụng theo mức trợ giá cho người tiêu thụ khu vực nông thôn.

Việc đầu tư phục vụ cung cấp sản phẩm công ích thông thường đòi hỏi chi phí khá cao, doanh nghiệp phải huy động nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó cần thiết là các nguồn vốn ODA vì thuận lợi về lãi suất ưu đãi, thời gian ân hạn và trả nợ vay dài, giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp. Tuy nhiên hiện tại chưa có lộ trình điều chỉnh giá của các sản phẩm phục vụ công ích phù hợp, do đó chưa thể đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của các tổ chức bố trí vốn ODA cũng là khó khăn cho công ty trong quá trình tiếp cận với các nguồn vốn ODA và việc tìm nguồn vốn ODA ngày càng khó khăn.

Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm và hạ thấp như khu vực Lái Thiêu, Vĩnh Phú – Thuận An... từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.

Để khuyến khích khách hàng sử dụng nước sạch, công ty cũng đã thực hiện nhiều hình thức để phục vụ khách hàng tốt hơn, tuy nhiên một số doanh nghiệp lại có thái độ không hợp tác ngược lại có nhu cầu cấp phép khoan giếng nước ngầm làm ảnh hưởng đến chất lượng và lưu lượng nguồn tài nguyên nước ngầm ngày càng có dấu hiệu sụt giảm. Các cụm sản xuất công nghiệp khác có đăng ký sử dụng nước nhưng chỉ thực hiện mang tính đối phó, thực tế sử dụng nước thủy cục rất ít, đa phần là sử dụng nước giếng tự khoan, điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi vốn đầu tư hệ thống cấp nước của công ty

Đối với các dự án đầu tư có nguồn vốn vay ODA, thì phát sinh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (ngoài sự quản lý điều hành của Công ty).

Đa số CBCNV Công ty có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, còn cần đào tạo bổ sung thêm kiến thức thực tiễn, trình độ quản lý một số nhân viên chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành:

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương có vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, đang quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương và không có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Theo số liệu từ Hiệp hội cấp thoát nước Việt Nam, Biwase đứng thứ 3 toàn quốc về công suất cấp nước với 383.000 m³/ngày đêm, với tỷ lệ thất thoát nước khoảng 7% - giảm mạnh so với mức trước đây là 37,2% vào năm 2002, đứng thứ 3 tại khu vực về hiệu quả công suất, sau Singapore (5,5%) và tốt hơn Nhật Bản (8%). Do đó, giá dịch vụ cấp nước của Công ty luôn ở mức cạnh tranh trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, do đó việc kêu gọi đầu tư nước ngoài là rất cần thiết, vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước là cấp thiết và phải được đặt lên hàng đầu.

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất, để phát triển kinh tế thì cần phải phát triển hệ thống cấp nước sạch đạt về số lượng và chất lượng.

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Dương là một trong những địa phương năng động trong kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Hiện nay, tỉnh có khoảng 28 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung có tổng diện tích hơn 8.700 ha với hơn 1.200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nhu cầu sử dụng nước sạch cho dân dụng và công nghiệp nhờ đó cũng gia tăng ngày càng cao.

10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017, 2018

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 ^(*)		Năm 2018 ^(**)	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	1.500.000	1.500.000	0,0%	1.500.000	0,0%
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.371.980	1.509.178	10,0%	1.440.419	-4,6%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	240.835	264.919	10,0%	92.065	-65,2%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu (%)	17,56	17,6%	-62,7%	6,6%	
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	16,1	17,7%	-63,6%	5,9%	
6	Cổ tức	-	5%	N/A	3,50%	

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Ghi chú:

- (*): Kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ số 14/NQ-ĐHĐCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017;
- (**): Kế hoạch năm 2018 căn cứ theo phương án cổ phần hóa năm 2016. Kế hoạch năm 2018 có thể được điều chỉnh theo thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	01/01/2016 – 30/09/2016	01/10/2016 – 31/12/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
(*)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,20	1,34	0,83
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,94	1,12	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,8%	66,6%	67,2%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	168,8%	199,5%	204,9%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	3,15	3,07	
+ Vòng quay tổng tài sản	lần/năm	0,18	0,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,1%	17,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	N/A	9,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,5%	3,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,6%	18,2%	
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	N/A	N/A	155

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; VCBS tính toán

Ghi chú:

- Vòng quay hàng tồn kho được tính bằng cách lấy tổng giá vốn hàng bán của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của hàng tồn kho ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.

- Vòng quay tổng tài sản được tính bằng cách lấy tổng doanh thu thuần của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của tổng tài sản ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.
- Các tỉ số và mẫu số trong các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đều được tính toán trên số tổng của 2 kỳ kế toán trong năm 2016.
- Các chỉ số ROE/ROA của năm 2016 được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận sau thuế của 2 kỳ kế toán trong năm 2016 chia cho trung bình của vốn chủ sở hữu/tổng tài sản ở 4 thời điểm là 01/01/2016, 30/09/2016, 01/10/2016 và 31/12/2016.

12. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Stt	Đối tác	Giá trị (đ/tháng)	Ngày ký hợp đồng	Hiệu lực	Nội dung hợp đồng
1	Công ty cổ phần cấp nước An Điền (KCN Rạch bấp)	77.779.200	20/04/2017	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
2	Công ty TNHH giầy Vĩnh Nghĩa	190.800.000	24/11/2015	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH PANKO VINA	597.600.000	02/01/2013	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH ZENG HSING INDUSTRIAL	57.000.000	12/03/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
5	Công ty TNHH WASHIN ALUMINUM VIỆT NAM	114.000.000	19/05/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
6	CN CP Tôn Đông Á TDM	142.500.000	20/05/2014	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
7	Công ty TNHH Công nghiệp Dệt HUGE – BAMBOO	249.000.000	25/10/2012	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch
8	Công ty TNHH ASENDAS PROREADE	7.632.000.000	17/10/2011	Không thời hạn	Cung cấp nước sạch

Nguồn: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

13. Tình hình công nợ của Công ty

❖ Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn	525.800	1.117.981	604.788	629.173
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	248.250	216.868	243.867	232.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn	151.879	377.579	205.243	228.126

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Phải thu về cho vay ngắn hạn	35.110	16.500	16.500	26.500
Các khoản phải thu khác	98.027	513.352	149.782	152.778
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.467)	(6.318)	(10.604)	(10.600)
Các khoản phải thu dài hạn	400	7.146	15.496	19.976
Phải thu dài hạn khác	400	7.146	15.496	19.976
Tổng cộng	526.200	1.125.127	620.283	649.149

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

❖ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2016	31/03/2017
Nợ ngắn hạn	1.030.805	1.347.736	1.483.166	1.260.646
Phải trả người bán ngắn hạn	228.637	159.486	358.294	673.523
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.824	11.150	9.857	183.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.811	53.549	21.204	17.321
Phải trả người lao động	43.441	35.849	32.171	17.830
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.661	24.529	34.265	15.738
Phải trả ngắn hạn khác	161.073	341.752	260.113	22.817
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	495.794	656.979	696.864	282.855
Dự phòng phải trả ngắn hạn	37.184	39.524	52.645	52.815
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.381	24.918	17.753	(5.907)
Nợ dài hạn	3.453.519	4.039.959	4.380.049	4.545.334
Phải trả dài hạn khác	2.526.474	2.923.787	3.263.515	3.375.551
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	927.045	1.116.172	1.116.534	1.169.783
Tổng cộng	4.484.324	5.387.695	5.863.215	5.808.980

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 – 30/09/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 – 31/12/2016 của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương; và BCTC Quý 1 năm 2017 tự lập của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

